

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 18/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Y, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Y, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TT (nay là xã TN), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 4/2018 mâu thuẫn phát

sinh. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên bài bạc, lơ đãng dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Y và anh Lê Văn T có 3 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 11/7/2006, Lê Hoàng L, sinh ngày 25/3/2012 và Lê Phương L1, sinh ngày 03/8/2018. Nguyên vọng của chị xin nuôi cháu LA và cháu Phương L1, còn anh T nuôi cháu L; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trịnh Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trịnh Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị được nuôi cháu LA và cháu Phương L1, anh T nuôi dưỡng cháu Hoàng L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Lê Văn T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 240/TB-TLVA ngày 01/10/2020 và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh T nhưng anh không có mặt tại địa phương, nên Tòa án đã giao văn bản cho ông Lê Văn C (bố đẻ anh T). Ông C đã thông báo ngay cho anh T biết, nhưng anh T không có ý kiến gì. Trong thời hạn luật định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc theo Giấy triệu tập. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Văn C ở Thôn ĐH, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Lê Văn C cho biết: Anh Lê Văn T là con trai của ông, có hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐH, xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; hiện nay anh T đang làm ăn trong Nam, thi thoảng có liên lạc về cho gia đình ông, địa chỉ cụ thể của anh T ông không biết. Anh T và chị Y tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT(nay là xã TN), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, anh T và chị Y sinh được 3 con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Lê Thị Lan A và Lê Phương L1 ở với chị Y, còn cháu Lê Hoàng L ở với anh T cùng ông bà nội. Theo ông được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tu chí làm ăn, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

*** Về tố tụng:**

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định

của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Chị Trịnh Thị Y và anh Lê Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TT (nay là xã TN), huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, do anh T không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Do đó chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Y và anh Lê Văn T có 3 con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 11/7/2006, Lê Hoàng L, sinh ngày 25/3/2012 và Lê Phương L1, sinh ngày 03/8/2018. Hiện nay cháu Lê Thị Lan A và Lê Phương L1 đang sống cùng với chị Y, cháu Lê Hoàng L đang sống cùng với ông bà nội và anh T. Nguyên vọng của chị Y khi ly hôn là được nuôi cháu LA và cháu Phương L1, còn anh T nuôi cháu L; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trịnh Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị Y được ly hôn anh T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Y: Giao cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 11/7/2006 và Lê Phương L1, sinh ngày 03/8/2018 cho chị Trịnh Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 25/3/2012 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trịnh Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Y khởi kiện xin được ly hôn anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên hòa giải vì vậy không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh T nhưng anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Y và anh Lê Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống anh T không tu chí làm ăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đối với anh T, đã biết Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến, thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh T có con 3 con chung. Nguyên vọng của chị khi ly hôn là được nuôi cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 11/7/2006 và cháu Lê Phương L1, sinh ngày 03/8/2018; còn anh T nuôi cháu Lê Hoàng L,

sinh ngày 25/3/2012; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy anh T không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng thông qua biên bản xác minh thể hiện cháu LA và cháu Phương L1 đang ở với chị Y, cháu L đang ở với anh T cùng ông bà nội. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y là phù hợp với thực tế, tránh sáo trộn cuộc sống của các con, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn đối với con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trịnh Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y khởi kiện vụ án xin ly nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị Y được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 11/7/2006 và Lê Phương L1, sinh ngày 03/8/2018. Giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 25/3/2012 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với nhau.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002218 ngày 30/9/2020, chấp nhận chị Y đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Y, vắng mặt anh T. Chị Y được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh T được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TN, huyện NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Võ Kỳ Anh